

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2021/DS-ST

Ngày: 29-4-2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Ngọc Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Minh Lý;
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 345/2020/TLST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2020 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2021/QĐST-DS, ngày 23 tháng 3 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2021/QĐST-DS ngày 09/4/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hà Thị K, sinh năm 1981; địa chỉ: Đường ĐL A, khu phố S, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1972; địa chỉ: Số Q, đường L, tổ 4, khu phố , phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 11/11/2020). Có mặt

2. *Bị đơn:*

2.1. Ông Hà Hồng G, sinh năm 1976;

HKTT: Số G, đường P, tổ 58, khu phố S, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên lạc: Số S, đường số E, khu TĐC T, tổ 58, khu phố 8, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt

2.2. Bà Nguyễn Thị Bích P, sinh năm 1947; địa chỉ: Số S, đường số E, khu TĐC T, tổ 58, khu phố 8, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện ngày 15/9/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 30/11/2020 và trong quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Bà Hà Thị K có cho ông Hà Hồng G vay tiền nhiều lần, mỗi lần vay 20.000.000 đồng, 30.000.000 đồng, 50.000.000 đồng, tổng cộng bà K cho ông G vay số tiền 262.000.000 đồng. Do là chỗ quen biết hàng xóm, đồng hương với nhau, hai bên không có làm giấy tờ cũng như cho vay không có tính lãi, cứ như vậy nhiều lần. Đến ngày 10/04/2020, giữa hai bên mới lập một giấy cam kết trả nợ với số tiền 262.000.000 đồng, giấy cam kết là do ông G viết. Ông G có cam kết với bà K là đến ngày 10/5/2020, ông G sẽ thanh toán cho bà K. Nhưng đã quá thời hạn trên mà ông G không thanh toán.

Còn bà Nguyễn Thị Bích P. Bà P là mẹ của ông G. Trong những lần bà K cho ông G vay tiền thì có bà P đi theo, bà P có hứa là bà P sẽ thanh toán số 262.000.000 đồng cho bà K.

Trong giấy cam kết trả nợ thì chỉ có ông G ký tên còn bà P thì không có ký tên vào tờ giấy cam kết trả nợ. Trong những lần vay tiền trên, ông G là người nhận tiền vay và viết giấy cam kết trả nợ, còn bà P là người hứa thanh toán cho ông G.

Nay nguyên đơn yêu cầu ông Hà Hồng G và bà Nguyễn Thị Bích P có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền 262.000.000 đồng cho bà K. Không yêu cầu tính lãi.

2. Bị đơn ông Hà Hồng G và bà Nguyễn Thị Bích P:

Đã được Tòa án thông báo về việc bị khởi kiện, cũng như đến tham gia các phiên hòa giải, xét xử tại Tòa án, nhưng ông G và bà P vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án.

** Tại phiên tòa:*

- *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:* Yêu cầu các bị đơn ông Hà Hồng G và bà Nguyễn Thị Bích P có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 262.000.000 đồng, nguyên đơn đồng không yêu cầu tính lãi.

** Vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một phát biểu như sau:*

- Về thủ tục tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Về việc tuân theo pháp luật thì Thẩm phán đã chấp hành đúng Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với việc chấp hành pháp luật tại phiên tòa của Hội đồng xét xử là đúng quy định. Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thì nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Phan Văn Chí không chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ có trong vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, qua ý kiến trình bày của đương sự tại phiên tòa, nhận thấy có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn. Buộc bị đơn ông Hà Hồng G thanh toán cho nguyên đơn số tiền 262.000.000 đồng. Đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà P có nghĩa vụ liên đới cùng với bị đơn thanh toán số tiền 262.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Hà Hồng G và bà Nguyễn Thị Bích P có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền 262.000.000 đồng trả cho nguyên đơn nên quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Hà Hồng G và bà Nguyễn Thị Bích P có hộ khẩu thường trú địa chỉ: Số G, đường P, tổ 58, khu phố S, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; ông G, bà P có sinh sống tại địa chỉ: Số S, đường số E, khu TĐC T, tổ 58, khu phố 8, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, nên theo quy định điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

[1.3]. Về việc tham gia phiên tòa của đương sự: Bà Nguyễn Thị Bích P, ông Hà Hồng G đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án. Do vậy, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông G, bà P theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Tại Đơn khởi kiện ngày 15/9/2020 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 30/11/2020, nguyên đơn yêu cầu ông Hà Hồng G và bà Nguyễn Thị Bích P có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền 262.000.000 đồng cho nguyên đơn. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Giấy cam kết trả nợ ngày 10/4/2020, ông G cam kết đến ngày 10/5/2020 trả nợ cho bà K. Thực chất giấy cam kết trên là hợp đồng vay tài sản. Khi đến hạn thanh toán nhưng ông G không thanh toán cho bà K. Do đó, bà K khởi kiện yêu cầu ông G phải thanh toán khoản vay trên là phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bà Nguyễn Thị Bích P có nghĩa vụ liên đới với ông G thanh toán số tiền 262.000.000 đồng cho nguyên đơn. Xét giấy cam kết ngày 10/4/2020 chỉ có ông G là người ký tên trong giấy cam kết. Quá trình tố tụng, bà P cũng không có mặt để trình bày ý kiến đối với nội dung này. Phía nguyên đơn cũng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ để chứng minh đã giao khoản tiền này cho bà P. Do vậy, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà P có nghĩa vụ liên đới cùng với ông G đối khoản tiền vay này là không có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hà Thị K đối với bị đơn ông Hà Hồng G, bà Nguyễn Thị Bích P về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hà Thị K được HĐXX chấp nhận, nên bị đơn ông Hà Hồng G phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp.

[4] Xét ý kiến của vị đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hà Thị K đối với bị đơn ông Hà Hồng G về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” như sau:

Buộc bị đơn ông Hà Hồng G có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Hà Thị K số tiền 262.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hà Thị K đối với bà Nguyễn Thị Bích P về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông Hà Hồng G phải nộp số tiền 13.100.000 đồng.

- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương hoàn lại cho nguyên đơn bà Hà Thị K số tiền 6.550.000 đồng đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí số 0050415 ngày 23/9/2020.

4. Về quyền kháng cáo:

- Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS Thành phố Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Văn Thị Ngọc Hương